

Số: 03/2026/QĐST-DS

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường G, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Việt C, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N – Chi nhánh Y; địa chỉ: số nhà A, đường T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt A, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Y; số căn cước công dân: 002096009189, cấp ngày 27/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ nơi làm việc: số nhà A, đường T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị đơn:

Ông Lâu Nở S, sinh năm 1986; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số định danh cá nhân: 002086004109; địa chỉ: Thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Bà Mua Thị M, sinh năm 1984; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số định danh cá nhân: 002184006966; địa chỉ: Thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng A1 chi nhánh Y và ông Lâu Nở S, bà Mua Thị M thỏa thuận, ông S và bà M nhất trí thanh toán số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 18/3/2026 là 136.065.648 đồng (*một trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng*) và cả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho ngân hàng A1 chi nhánh Y. Chậm nhất đến ngày 31/03/2026 ông S, bà M sẽ thanh toán 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm nghìn đồng*) cho ngân hàng A1 chi nhánh Y. Từ tháng 4/2026 đến tháng 11/2026 ông S, bà M thanh toán 5.000.000 đồng/tháng (*năm triệu đồng trên một tháng*) vào ngày 01 đến ngày 12 của tháng sau liền kề cho ngân hàng A1 chi nhánh Y. Chậm nhất đến 31/12/2026 ông S, bà M phải tất toán toàn bộ khoản vay cho ngân hàng A1 chi nhánh Y (bao gồm gốc và lãi phát sinh đến ngày tất toán).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lâu Nở S và bà Mua Thị Mấy vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A1 chi nhánh Y có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BT 512418 do UBND huyện Y, tỉnh Hà Giang cấp ngày 26/12/2013 mang tên ông Lâu Nở S và bà Mua Thị M đã thế chấp cho A1 chi nhánh Y để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho ngân hàng A1, thì ngân hàng A1 thông qua ngân hàng A1 chi nhánh Y có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Lâu Nở S và bà Mua Thị M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 4 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của ông Lâu Nở S và bà Mua Thị M phải nộp là 1.700.000^d (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ông Lâu Nở S và bà Mua Thị M tự nguyện chịu phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của ngân hàng A1 chi nhánh Y phải nộp là 1.700.000^d (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ngân hàng N - chi nhánh Y tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.197.000 (*ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn*) mà ông Nguyễn Việt A đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 10/01/2026 theo biên lai số 0000064.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tình